

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HÙNG VƯƠNG
PHÒNG CÔNG TÁC
HỌC SINH, SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quận 5, ngày 09 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO
Về phát bằng trung cấp của học sinh tốt nghiệp năm 2023

Căn cứ Quyết định số 200/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 10/7/2023 và Quyết định số 258/QĐ-KTCNHV-ĐT ngày 02/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương về công nhận và cấp bằng tốt nghiệp học sinh hệ trung cấp khóa 20K14-2 và khóa 21K15-1, năm học 2022-2023 cho 281 học sinh của trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương;

Phòng Công tác học sinh, sinh viên thông báo thời gian cấp phát bằng trung cấp cho học sinh tốt nghiệp có tên trong danh sách đính kèm như sau:

1. Thời gian và địa điểm phát bằng tốt nghiệp:

- Thời gian: từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần trong giờ hành chính, phòng Công tác HSSV phát bằng tốt nghiệp từ ngày 17/11/2023.
- Địa điểm: phòng F1.4, tầng 1, khu F, điện thoại: 028.3957.4922

2. Giấy tờ cần thiết mang theo khi nhận bằng tốt nghiệp:

- Căn cước công dân và thẻ học sinh.
- Trường hợp học sinh không thể trực tiếp đến nhận bằng tốt nghiệp thì phải có Giấy ủy quyền có xác nhận (ký và đóng dấu) của UBND xã/ phường/ thị trấn trở lên; người đi nhận thay phải mang theo Căn cước công dân để xác nhận.

Lưu ý: Bằng tốt nghiệp chỉ cấp một lần.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Website <https://vanbang.gdnn.gov.vn/>;
- Lưu: P.CTHSSV.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Sơn

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
HÙNG VƯƠNG
PHÒNG CÔNG TÁC
HỌC SINH, SINH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP TỐT NGHIỆP NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo ngày 09/11/2023 của Phòng Công tác học sinh, sinh viên)

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
1.	17KTHD2.79Q6	Lê Thị Huỳnh Nga	30/9/2000	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00454	
2.	17CĐL2.43	Hồ Minh Toàn	05/8/2000	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00455	
3.	17CĐL2.34	Võ Quang Việt	19/01/2001	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00456	
4.	17CNO2.121	Phạm Thành Nhân	23/9/2001	Công nghệ ô tô	Khá	TC00457	
5.	18CĐT1.10	Nguyễn Khánh Duy	24/11/1999	Cơ điện tử	Khá	TC00458	
6.	18KTHD2.82	Phạm Hoàng Tú	09/11/2003	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00459	
7.	18KTHD2.42	Nguyễn Hoàng Minh	28/3/2003	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00460	
8.	18KTHD2.106	Lý Phát Lộc	26/02/2001	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00461	
9.	18CĐL2.51	Trần Đình Toàn	14/6/1996	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Xuất sắc	TC00462	
10.	18CĐL2.69	Nguyễn Đình Hiếu	20/02/2003	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00463	
11.	18CĐL2.23	Vòng Chí Khang	30/3/2003	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00464	
12.	18CNO2.30	Nguyễn Ngọc Hải	18/4/2003	Công nghệ ô tô	Khá	TC00465	
13.	18MTT2.16	Phạm Huỳnh Thụy Vy	12/10/2000	Máy thời trang	Khá	TC00466	
14.	19BTCK1.02	Nguyễn Quang Trung	11/10/1997	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00467	
15.	19BTCK1.05	Nguyễn Thị Mỹ Linh	09/12/1993	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00468	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
16.	19KTHD2.131	Bùi Hữu Quân	03/11/2002	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00469	
17.	19CNO2.155	Hồ Trường Hải	27/10/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00470	
18.	19SCM1.06	Phạm Công Thành	17/4/1993	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Xuất sắc	TC00471	
19.	19SCM1.01	Phuong Vĩnh An	02/3/2000	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Xuất sắc	TC00472	
20.	17SCM1.09	Vô Thành Sơn	17/10/1998	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC00473	
21.	19SCM1.07	Sử Chấn Thành	09/5/2001	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00474	
22.	19SCM1.03	Lê Tấn Phát	04/6/2000	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00475	
23.	19CDL1.01	Đặng Phạm Quốc Bảo	02/6/1998	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Xuất sắc	TC00476	
24.	19CDL1.05	Nguyễn Công Bảo	28/01/2000	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Xuất sắc	TC00477	
25.	19CDL2.47	Trần Đức Hiếu	26/7/1997	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Xuất sắc	TC00478	
26.	19CDL1.06	Nguyễn Tuấn Khoa	16/3/1998	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00479	
27.	19CDL1.04	Nguyễn Quốc Duy	08/10/1999	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00480	
28.	19CDL2.56	Nguyễn Nhật Linh	28/8/1997	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00481	
29.	19CKC2.04	Lê Hoàng Hải	30/10/2004	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00482	
30.	19CKC2.24	Nguyễn Quang Vinh	22/7/2004	Cắt gọt kim loại	Trung bình	TC00483	
31.	19CNO2.127	Nguyễn Khai	10/11/2002	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC00484	
32.	19CNO2.116	Trần Kim Dũ	06/10/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00485	
33.	19CNO2.105	Nguyễn Thái Thiên Tứ	02/9/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00486	
34.	19CNO2.73	Đặng Thiệu Phong	20/6/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00487	
35.	19CNO2.66	Hà Thanh Nguyên	22/7/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00488	
36.	19CNO2.119	Châu Chí Hào	12/12/2003	Công nghệ ô tô	Khá	TC00489	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
37.	19CNO2.177	Lý Hào Thuận	11/9/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00490	
38.	19CNO2.92	Lưu Triển Thanh	14/5/2002	Công nghệ ô tô	Khá	TC00491	
39.	19CNO2.37	Diệp Bảo Huy	16/9/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00492	
40.	19KTHD2.93	Mai Ngọc Hoài Nam	01/9/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00493	
41.	19KTHD2.87	Hồ Nguyễn Đức Huy	31/10/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00494	
42.	19KTHD2.91	Nguyễn Thảo Linh	10/6/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00495	
43.	19KTHM2.43	Kiều Minh Thảo	08/6/2004	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00496	
44.	19KTHM2.09	Nguyễn Lê Thành Đạt	22/3/2004	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00497	
45.	19KTHM2.87	Trần Hoàng Quân	01/4/2004	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC00498	
46.	19DCN2.15	Nguyễn Viêt Quân	24/02/2004	Điện công nghiệp	Giỏi	TC00499	
47.	19DCN2.07	Lê Nguyễn Trọng Huy	16/12/2003	Điện công nghiệp	Khá	TC00500	
48.	19DCN2.11	Nguyễn Trọng Nhân	24/5/2004	Điện công nghiệp	Khá	TC00501	
49.	19DCN2.02	Trương Trọng Chí	10/10/2004	Điện công nghiệp	Khá	TC00502	
50.	19DCN2.06	Tăng Văn Thành	03/10/2004	Điện công nghiệp	Khá	TC00503	
51.	19DCN2.03	Lưu Tuấn Kiệt	02/8/2004	Điện công nghiệp	Khá	TC00504	
52.	19DCN2.16	Hồ Phước Hưng	01/8/2003	Điện công nghiệp	Khá	TC00505	
53.	19DCN2.10	Lê Hoàng Phúc	09/5/2004	Điện công nghiệp	Khá	TC00506	
54.	19DTCN1.03	Phạm Đại Dương	29/01/2001	Điện tử công nghiệp	Trung bình	TC00507	
55.	19DTCN2.11	Phạm Nhật Nam	20/12/2004	Điện tử công nghiệp	Trung bình	TC00508	
56.	19CDL2.39	Thạch Ngọc Kiên	01/01/2000	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00509	
57.	19CDL2.44	Phạm Quốc Thái	08/3/2004	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00510	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
58.	19CDL2.19	Trần Thanh Phương	25/5/2004	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00511	
59.	19CDL2.52	Nguyễn Võ Minh Duy	03/5/2004	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00512	
60.	19CDL2.22	Lê Hoàng Quý	25/8/2004	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00513	
61.	19CDL2.21	Trần Võ Thanh Quân	08/12/2004	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00514	
62.	19CDL2.37	Nguyễn Duy Khanh	23/7/2003	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00515	
63.	19DHKK2.06	Lê Huỳnh Đỗ Đăng Khoa	26/6/2004	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00516	
64.	19DHKK2.04	Trương Huỳnh Duy Khánh	28/5/2004	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00517	
65.	19DHKK2.10	Huỳnh Trọng Phúc	24/11/2004	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00518	
66.	19DHKK2.02	Nguyễn Vũ Đức Dũng	05/9/2004	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khá	TC00519	
67.	19MTT2.18	Phan Mỹ Thắm	16/4/2004	May thời trang	Khá	TC00520	
68.	19MTT2.17	Châu Thị Ngọc Diễm	07/8/2004	May thời trang	Khá	TC00521	
69.	20BCN1.005	Võ Nam Sương	14/7/1993	Điện công nghiệp	Xuất sắc	TC00522	
70.	20BCN1.004	Huỳnh Việt Hoàng	07/10/1999	Điện công nghiệp	Giỏi	TC00523	
71.	20BCN1.007	Đào Ngân Thịnh	25/9/2000	Điện công nghiệp	Giỏi	TC00524	
72.	20CNO1.023	Phan Hữu Trí	24/11/2000	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC00525	
73.	20CNO1.021	Mai Trần Quốc Khánh	11/9/2002	Công nghệ ô tô	Khá	TC00526	
74.	20CDL1.005	Lê Trung Hiếu	15/12/1997	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Xuất sắc	TC00527	
75.	20CDL1.004	Lê Bá Duy	17/11/1999	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00528	
76.	20CDL1.012	Phạm Minh Triều	23/7/2002	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00529	
77.	20CDL1.001	Ngô Hoàng Phong	13/5/2003	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00530	
78.	20KTL1.007	Lê Hoàng Thông	24/12/1996	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00531	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
79.	20KTL2.002	Cao Tuấn Anh	06/7/1999	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Xuất sắc	TC00532	
80.	20KTL1.008	Nguyễn Văn Triềm	18/10/1998	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Xuất sắc	TC00533	
81.	20KTL1.003	Hồ Chí Linh	28/3/1997	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00534	
82.	20KTL1.006	Lê Hữu Trí	05/6/2004	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00535	
83.	20BCK1.003	Kha Huỳnh Tấn Phát	19/9/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Giỏi	TC00536	
84.	20CNO2.116	Trương Võ Thanh Quang	23/11/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Giỏi	TC00537	
85.	20BCK2.004	Lê Văn Hiếu	28/10/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Giỏi	TC00538	
86.	20BCK2.023	Phùng Anh Quân	22/01/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Giỏi	TC00539	
87.	20BCK2.022	Giang Vũ Phương	04/6/1993	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Giỏi	TC00540	
88.	20BCK2.013	Ngô Chấn Khang	30/7/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00541	
89.	20BCK2.016	Từ Cẩm Nguyên	04/4/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00542	
90.	20BCK2.014	Nguyễn Lê Minh Khoa	11/3/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00543	
91.	20BCK2.028	Mộc Nghĩa Thắng	10/12/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00544	
92.	20BCK2.024	Nguyễn Phương Quyền	07/11/2004	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00545	
93.	20BCK2.007	Nguyễn Bùi Quốc Huy	13/7/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00546	
94.	20BCK2.017	Hồ Quang Nhật	03/4/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00547	
95.	20BCK2.011	Trần Tuấn Kiệt	27/02/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00548	
96.	20BCK1.005	Cao Minh Tùng	02/11/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00549	
97.	20BCK1.004	Đoàn Chính Tính	13/8/2004	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00550	
98.	20BCK2.009	Trần Trung Kiên	19/10/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00551	
99.	20BCK2.012	Trần Tuấn Khải	05/12/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00552	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
100.	18BTCK2.23	Liêu Tấn Thành	30/10/2003	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00553	
101.	20BCK2.030	Trần Thuận Vinh	28/9/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00554	
102.	20BCK2.019	Đỗ Kim Phát	01/5/2005	Bảo trì hệ thống thiết bị cơ khí	Khá	TC00555	
103.	20TKDH1.010	Nguyễn Khánh Thịnh	25/6/1999	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Xuất sắc	TC00556	
104.	20TKDH2.101	Nguyễn Nhật Quyền	21/6/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00557	
105.	20TKDH2.035	Lê Vĩnh Hùng	06/11/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00558	
106.	20TKDH2.046	Lê Minh Khang	01/10/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00559	
107.	20TKDH2.116	Lưu Vương Thái	24/10/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00560	
108.	20TKDH2.020	Nguyễn Hữu Đức	09/01/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00561	
109.	20TKDH1.008	Châu Hữu Luân	17/01/1989	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00562	
110.	20TKDH2.080	Lý Bội Như	06/3/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00563	
111.	20TKDH2.050	Huỳnh Thục Lệ	14/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00564	
112.	20TKDH2.041	Trần Tuấn Đạt	01/9/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00565	
113.	20TKDH2.145	Vương Khánh Vinh	02/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00566	
114.	20TKDH2.088	Trần Chánh Gia Phú	29/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00567	
115.	20TKDH2.001	Trần Nguyễn Thái An	02/3/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00568	
116.	20TKDH2.126	Nguyễn Minh Thuận	30/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00569	
117.	20TKDH2.115	Lương Nguyễn Thảo Tuyền	07/3/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00570	
118.	20TKDH2.107	Phạm Ngọc Suong	24/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00571	
119.	20TKDH2.146	Bùi Quang Vinh	04/11/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00572	
120.	20TKDH2.110	Nguyễn Thanh Tài	23/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00573	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
121.	20TKĐH2.129	Huỳnh Thị Ngọc Trâm	29/11/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00574	
122.	20TKĐH2.007	Nguyễn Ngọc Ân	04/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00575	
123.	20TKĐH2.133	Tô Quế Trân	11/3/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00576	
124.	20TKĐH2.071	Huỳnh Long Nhân	18/6/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00577	
125.	20TKĐH2.011	Lưu Ngọc Châu	10/02/2002	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Khá	TC00578	
126.	20TKĐH2.019	Lý Hiếu Đình	23/7/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00579	
127.	20TKĐH2.002	Huỳnh Lý Thúy An	04/10/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00580	
128.	20TKĐH2.120	Vòng Trung Thành	25/9/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00581	
129.	20TKĐH2.038	Lâm Gia Hưng	07/5/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00582	
130.	20TKĐH2.089	Nguyễn Hoàng Phúc	01/10/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00583	
131.	20TKĐH2.042	Trần Anh Kiệt	05/3/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00584	
132.	20TKĐH2.016	Chu Thụy Văn Dung	11/4/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00585	
133.	20QTM1.005	Phạm Tấn Phúc	07/10/1990	Quản trị mạng máy tính	Giỏi	TC00586	
134.	20QTM1.003	Phạm Lai Đại Phú	18/7/2005	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00587	
135.	17KTHM2.19	Ngụy Nguyễn Tấn Lộc	17/4/2000	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00588	
136.	20QTM2.063	Trương Trí Thanh	04/12/2005	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00589	
137.	20QTM2.064	Trần Cẩm Thành	06/11/2005	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00590	
138.	20QTM2.065	Trương Trung Thành	02/6/2005	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00591	
139.	20QTM2.027	Nguyễn Trần Hoàng Huy	11/02/2004	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00592	
140.	20QTM2.077	Võ Tá Vinh	16/01/2005	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00593	
141.	20QTM2.033	Nguyễn Bảo Quỳnh Khanh	12/4/2005	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC00594	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
142.	20QTM2.006	Huỳnh Công Doanh	05/01/2005	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC00595	
143.	20QTM2.036	Từ Gia Lạc	01/7/2005	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC00596	
144.	20QTM2.018	Châu Tuấn Hào	24/5/2005	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC00597	
145.	20QTM2.039	Nguyễn Hoàng Hiếu Liêm	18/02/2005	Quản trị mạng máy tính	Trung bình	TC00598	
146.	20CDT2.014	Nguyễn Văn Phát	21/11/2001	Cơ điện tử	Xuất sắc	TC00599	
147.	20TDH2.004	Lê Ngọc Thịnh	11/5/2005	Cơ điện tử	Xuất sắc	TC00600	
148.	20TDH2.005	Nguyễn Nhật Trường	05/12/2005	Cơ điện tử	Xuất sắc	TC00601	
149.	20TDH2.001	Nguyễn Hoài Dur	04/10/2001	Cơ điện tử	Giỏi	TC00602	
150.	20CDT2.010	Nguyễn Văn Hiện Lập	29/7/2005	Cơ điện tử	Giỏi	TC00603	
151.	20CDT2.021	Trần Ngọc Thịnh	12/3/2005	Cơ điện tử	Giỏi	TC00604	
152.	20CDT2.005	Trịnh Minh Đức	19/12/2005	Cơ điện tử	Giỏi	TC00605	
153.	20CDT2.023	Đặng Ngọc Bảo Vy	20/02/2004	Cơ điện tử	Khá	TC00606	
154.	20CDT1.001	Lê Hoàng Luân	27/5/2002	Cơ điện tử	Khá	TC00607	
155.	20CDT2.009	Lâm Chí Huy	25/3/2005	Cơ điện tử	Khá	TC00608	
156.	20CDT1.006	Lâm Trần Bảo Phúc	17/4/2002	Cơ điện tử	Khá	TC00609	
157.	20CDT2.027	Trần Quốc Khang	25/3/2005	Cơ điện tử	Khá	TC00610	
158.	20CDT2.022	Nguyễn Phan Trọng Trí	08/9/2005	Cơ điện tử	Trung bình	TC00611	
159.	20BTCN1.003	Nguyễn Tiến Thanh	29/7/1996	Điện tử công nghiệp	Xuất sắc	TC00612	
160.	20BTCN1.005	Huỳnh Chí Tâm	21/01/2002	Điện tử công nghiệp	Giỏi	TC00613	
161.	19DTCN2.15	Nguyễn Đại Vĩ	24/9/2003	Điện tử công nghiệp	Giỏi	TC00614	
162.	20BTCN1.002	Phạm Tiến Anh	19/5/1999	Điện tử công nghiệp	Giỏi	TC00615	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
163.	20ĐTCN2.002	Nguyễn Hữu Bằng	18/5/2005	Điện tử công nghiệp	Khá	TC00616	
164.	20ĐTCN2.001	Phan Thành An	04/3/2005	Điện tử công nghiệp	Khá	TC00617	
165.	20SCMT1.010	Nguyễn Nhật Trường	21/7/1996	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC00618	
166.	20SCMT2.003	Lý Diệu Cơ	09/6/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC00619	
167.	20SCMT1.006	Huỳnh Kỳ Sơn	23/11/1998	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC00620	
168.	20SCMT2.017	Lê Tuấn Tài	04/12/2003	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC00621	
169.	20SCMT2.023	Nguyễn Phạm Hoàng Vũ	07/12/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00622	
170.	20SCMT2.015	Trần Hoàng Phúc	13/9/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00623	
171.	20SCMT2.013	Trương Thành Phát	16/10/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00624	
172.	20ĐCN2.017	Trà An Thuận	21/12/2005	Điện công nghiệp	Khá	TC00625	
173.	20ĐCN2.019	Trịnh Đình Đức	21/12/2000	Điện công nghiệp	Khá	TC00626	
174.	20ĐCN2.016	Trần Tiến Anh Tuấn	25/10/2005	Điện công nghiệp	Khá	TC00627	
175.	20ĐCN2.014	Ngũ Gia Tiến	03/4/2005	Điện công nghiệp	Khá	TC00628	
176.	20CTKM2.002	Lê Hoàng Khang	27/10/2005	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00629	
177.	20CGKL2.017	Mai Quốc Vinh	27/11/2005	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00630	
178.	20CGKL2.022	Lê Hải Nam	19/9/2005	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00631	
179.	20CGKL2.018	Nguyễn Duy Vũ	03/5/2005	Cắt gọt kim loại	Trung bình	TC00632	
180.	20CNO2.064	Bùi Tuấn Kiệt	10/12/1999	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC00633	
181.	20CNO2.086	Phạm Quốc Lực	17/8/1997	Công nghệ ô tô	Khá	TC00634	
182.	20CNO2.123	Trương Anh Tài	15/6/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00635	
183.	20CNO2.140	Nguyễn Huỳnh Giang Thanh	25/02/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00636	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
184.	20CNO2.061	Châu Khai Kiệt	20/9/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00637	
185.	20CNO2.125	Nguyễn Ngọc Thảo Tâm	06/4/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00638	
186.	20CNO2.095	Nguyễn Minh Ngọc	29/4/2002	Công nghệ ô tô	Khá	TC00639	
187.	20CNO2.121	Lương Vĩ Siêu	07/11/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00640	
188.	20CNO2.097	Dương Hải Nguyên	30/12/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00641	
189.	20CNO2.142	Nguyễn Văn Thắng	19/3/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00642	
190.	20CNO2.027	Bùi Đức Giàu	13/11/1994	Công nghệ ô tô	Khá	TC00643	
191.	20CNO2.039	Trịnh Khai Hoa	27/01/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00644	
192.	20CNO2.036	Nguyễn Minh Hên	11/8/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00645	
193.	20CNO2.133	Trần Anh Tuấn	18/9/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00646	
194.	20CNO2.150	Thái Trí Thúc	27/9/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00647	
195.	20CNO2.156	Trương Nguyễn Hoàng Vũ	31/01/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00648	
196.	20CNO2.080	Thịnh Bảo Long	02/6/2004	Công nghệ ô tô	Khá	TC00649	
197.	20CNO2.012	Nguyễn Hoàng Huân Chương	14/6/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00650	
198.	20CNO2.032	Lý Gia Hào	20/7/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00651	
199.	20CNO2.035	Mạc Phúc Hậu	18/7/2002	Công nghệ ô tô	Khá	TC00652	
200.	20CNO2.122	Phan Tấn Tài	25/01/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00653	
201.	20CNO2.079	Trần Chí Long	25/4/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00654	
202.	20CNO2.051	Vũ Tấn Huy	26/7/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00655	
203.	20CNO2.148	Liên Tuyền Thuận	08/6/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00656	
204.	20CNO2.101	Lưu Ngô Tuấn Đạt	22/01/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00657	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
205.	20CNO2.157	Nguyễn Nhật Vương	02/5/2004	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00658	
206.	20CNO2.046	Bùi Quốc Huy	14/8/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00659	
207.	20CNO2.069	Nguyễn Minh Khang	23/8/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00660	
208.	20CNO2.145	Huỳnh Xuân Thọ	22/12/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00661	
209.	20CNO2.098	Nguyễn Đăng Nguyễn	08/10/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00662	
210.	20CNO2.024	Nguyễn Áu Duy Đức	23/3/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00663	
211.	20CNO2.087	Lâm Chí Hiền Lương	04/12/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00664	
212.	20CNO2.006	Thái Hoàng Gia Bảo	24/9/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00665	
213.	20CNO2.017	Nguyễn Nhất Duy	03/01/2004	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00666	
214.	20CNO2.102	Tạ Vĩnh Phát	10/12/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00667	
215.	20CNO2.132	Đặng Tuấn	16/10/2004	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00668	
216.	20CNO2.075	Võ Đăng Khoa	25/11/2005	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00669	
217.	20MTT2.002	Trần Tấn Đạt	10/10/2005	Máy thời trang	Khá	TC00670	
218.	20MTT2.001	Hồng Mỹ Duyên	17/02/2005	Máy thời trang	Khá	TC00671	
219.	20MTT2.018	Sú Quang Liêm	28/12/1995	Máy thời trang	Khá	TC00672	
220.	20CĐL2.023	Nguyễn Thành Nhân	07/01/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00673	
221.	20CĐL2.001	Nguyễn Hoài An	21/11/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Giỏi	TC00674	
222.	20CĐL2.015	Lê Huỳnh Tấn Hưng	11/12/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00675	
223.	20CĐL2.006	Ông Khải Đạt	29/8/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00676	
224.	20CĐL2.007	Đặng Quốc Đạt	04/11/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00677	
225.	20CĐL2.030	Trần Thành Tài	04/7/2005	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Khá	TC00678	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
226.	20KTL2.007	Trần Bảo Duy	28/9/2003	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00679	
227.	20KTL2.019	Cao Lê Đăng Khoa	24/8/2005	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00680	
228.	20KTL2.001	Nguyễn Tuấn Anh	09/11/2005	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khá	TC00681	
229.	20KTL2.003	Phạm Hùng Anh	02/3/2005	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khá	TC00682	
230.	16CNO1.05	Tô Lê Gia Huy	28/02/1998	Công nghệ ô tô	Khá	TC00683	
231.	18CNO2.161	Nguyễn Minh Tài	01/6/2001	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC00684	
232.	18CNO2.130	Lê Minh Trí	28/10/2003	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00685	
233.	19CDT1.02	Nguyễn Lâm Minh Tú	28/11/1999	Cơ điện tử	Trung bình	TC00686	
234.	19CNO1.13	Nguyễn Thanh Hồng Phúc	18/11/1999	Công nghệ ô tô	Khá	TC00687	
235.	19CNO1.22	Huỳnh Nguyễn Hữu Thịnh	09/9/1995	Công nghệ ô tô	Khá	TC00688	
236.	19CDT2.09	Trần Bình Tân	19/11/2004	Cơ điện tử	Giỏi	TC00689	
237.	19CDT2.07	Mai Hữu Quân	06/10/2004	Cơ điện tử	Khá	TC00690	
238.	19CDT2.06	Chu Minh Phương Nam	25/11/2004	Cơ điện tử	Khá	TC00691	
239.	19CNO1.138	Nguyễn Gia Phúc	31/10/2004	Công nghệ ô tô	Trung bình	TC00692	
240.	19MTT2.13	Văn Ngọc Phương Uyên	25/5/2004	May thời trang	Khá	TC00693	
241.	19MTT2.09	Trần Tiểu Bình	08/02/2004	May thời trang	Trung bình	TC00694	
242.	20CNO1.009	Đỗ Tuấn Phong	13/5/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00695	
243.	20TKĐH2.004	Nguyễn Thị Thanh Ân	23/3/2004	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00696	
244.	20TKĐH2.051	Hà Mai Linh	27/8/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00697	
245.	20TKĐH2.066	Nguyễn Kim Ngân	09/10/2005	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Trung bình	TC00698	
246.	20QTM2.042	Hà Minh Luân	19/9/2005	Quản trị mạng máy tính	Khá	TC00699	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
247.	20CĐT1.002	Huỳnh Quốc Duy	14/10/2004	Cơ điện tử	Khá	TC00700	
248.	20SCMT2.005	Nguyễn Quang Đức	18/7/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Giỏi	TC00701	
249.	20SCMT2.034	Huỳnh Thái Bảo	14/01/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00702	
250.	20SCMT2.008	Ngô Chánh Nam	19/10/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Khá	TC00703	
251.	20SCMT2.004	Đinh Thiên Đạt	29/11/2005	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	Trung bình	TC00704	
252.	20CGKL2.004	Phạm Nguyễn Thành Danh	25/7/2005	Cắt gọt kim loại	Giỏi	TC00705	
253.	20CGKL2.013	Lê Thanh Tài	28/11/2005	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00706	
254.	20CGKL2.011	Trương Khánh Minh	11/8/2005	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00707	
255.	20CGKL2.014	Lê Huỳnh Anh Tú	27/7/2005	Cắt gọt kim loại	Khá	TC00708	
256.	20CGKL2.015	Phương Gia Thành	26/11/2004	Cắt gọt kim loại	Trung bình	TC00709	
257.	20CNO2.002	Phùng Quốc An	01/8/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00710	
258.	20CNO2.014	Chung Nghĩa Dũng	03/02/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00711	
259.	20CNO2.054	Võ Bá Huy	05/01/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00712	
260.	20CNO2.010	Lê Phan Tấn Cường	12/10/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00713	
261.	20CNO2.011	Huỳnh Văn Chí	30/6/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00714	
262.	20CNO2.023	Nguyễn Quốc Đạt	25/01/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00715	
263.	20CNO2.022	Nguyễn Thành Đạt	21/5/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00716	
264.	20CNO2.053	Văn Hồng Gia Huy	29/3/2005	Công nghệ ô tô	Khá	TC00717	
265.	20KTL2.024	Tất Gia Minh	04/4/2005	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Giỏi	TC00718	
266.	20KTL1.001	Trần Minh Đạt	21/11/2004	Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí	Khá	TC00719	
267.	21TKĐH1.004	Son Giàu	01/01/1997	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Xuất sắc	TC00720	

TT	MSHS	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành/Nghề đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Số hiệu bằng TN	Ghi chú
268.	21TKDH1.011	Mạc Thị Thuý Trang	25/9/2003	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00721	
269.	21TKDH1.015	Thông Hưng Khang	16/6/1997	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00722	
270.	21TKDH1.005	Liêu Ích Quân	12/8/2000	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00723	
271.	21TKDH1.006	Võ Minh Chiến	22/01/2003	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00724	
272.	21TKDH1.018	Trần Hồng Châu	10/7/2006	Vẽ và thiết kế trên máy tính	Giỏi	TC00725	
273.	21CNO1.022	Võ Gia Khánh	11/11/2004	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC00726	
274.	21CNO1.012	Trần Hà Gia Thịnh	24/4/2000	Công nghệ ô tô	Giỏi	TC00727	
275.	21CNO1.002	Võ Trần Hải Duy	25/4/1997	Công nghệ ô tô	Khá	TC00728	
276.	21CNO1.006	Nguyễn An Khang	05/10/2002	Công nghệ ô tô	Khá	TC00729	
277.	21CDT2.003	Nguyễn Đức Lễ	04/7/2006	Cơ điện tử	Xuất sắc	TC00730	
278.	21TDH1.002	Ngô Mạnh Trường	20/9/2003	Cơ điện tử	Xuất sắc	TC00731	
279.	21CDT1.003	Lê Đình Quốc	19/5/1990	Cơ điện tử	Giỏi	TC00732	
280.	21TDH2.003	Thiều An Bình	02/01/2006	Cơ điện tử	Khá	TC00733	
281.	21TDH2.004	Nguyễn Gia Nguyễn	24/11/2006	Cơ điện tử	Khá	TC00734	